

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô MÔN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 26/4/2023

Về việc “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN - TP.CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thu Nguyệt

2. Ông Ngô Minh Thi

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên toà:** Bà Trần Cẩm Tú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1995

Nơi cư trú: khu vực R, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước S, sinh năm 1991

Nơi cư trú: khu vực R, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: chị và anh Nguyễn Phước S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào năm 2018. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phước T (nam), sinh ngày 26/6/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mặc dù chị và anh S đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S. Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước T đến khi trưởng thành, không

yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị D trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Theo biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2023 bị đơn anh Nguyễn Phước S trình bày: vào năm 2017 anh và chị D tự quen biết thương yêu nhau được cha mẹ đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Phước T (nam), sinh ngày 26/6/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất hoà về tình cảm và kinh tế gia đình nên có cự cãi nhau, đến tháng 6/2021 thì chị D bỏ nhà đi nên anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh S cho rằng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung: anh đồng ý giao cháu Trọng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Do hiện tại anh S đang bị tạm giam nên có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn phát biểu quan điểm: cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Phước S tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D xin ly hôn với anh S và anh S cùng thống nhất ly hôn với chị D nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: các bên thống nhất giao cháu Nguyễn Phước T (nam), sinh ngày 26/6/2018 cho chị D nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên tòa án

tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phước S. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Phước S tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do có sự bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị D và anh S đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh S và anh S cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Xét lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Phước S,* Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh S và anh cũng thống nhất thuận tình ly hôn với chị D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về con chung:* chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Phước S có 01 con chung tên Nguyễn Phước T (nam), sinh ngày 26/6/2018; chị D và anh S thống nhất giao cháu Trọng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* chị D và anh S trình bày là không có nên không yêu cầu toà án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Phước S thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Phước T (nam), sinh ngày 26/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Phước S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Phước S theo quy định pháp luật.

*Về tài sản chung và nợ chung:* chị D và anh S trình bày là không có nên không yêu cầu toà án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

*Về án phí:* chị D phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003807 ngày 17/01/2023 thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

\* **Nơi nhận:**

- VKSND Q. Ô Môn;
- Thi hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;

**Đặng Nguyễn Khánh Xuân**